

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2025
V/v: TrA chấp Hôn nhân và
Gia đình.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức A

Các hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Thường và bà Nguyễn Thị Quế A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bằng Giang – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 494/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về TrA chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: A Nguyễn Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: số nhà 03 đường A1, khối 7, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: 10-22-4-207, Takawashi, thành phố Habikino, tỉnh Osaka, Nhật Bản. – Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Tạ Thị Thảo A, sinh năm 1999. Địa chỉ: số nhà 03 đường A1, khối 7, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. – Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 13, đường Nguyễn Viết Xuân, khối Tân Lâm, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. – Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, A Nguyễn Văn H trình bày:

1. Về tình cảm vợ chồng: A Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị Thảo A đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2019 tại UBND phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên A H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho A được ly hôn với chị Tạ Thị Thảo A.

2. Về con chung: A Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị Thảo A có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Quý, sinh ngày 14/01/2020. Ly hôn A H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì điều kiện hoàn cảnh và công việc, sau khi hoàn tất thủ tục ly hôn A H phải tiếp tục quay lại Nhật Bản để làm việc, vì vậy A có nguyện vọng gửi con chung cho chị gái ruột là Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà 06, ngõ 13, đường Nguyễn Viết Xuân, khối Tân Lâm, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An chăm sóc và nuôi dưỡng cháu trong thời gian tôi đi làm ăn xa nhà. A H không yêu cầu chị Tạ Thị Thảo A cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: A Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị Thảo A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Tạ Thị Thảo A: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu chị Tạ Thị Thảo A có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Tạ Thị Thảo A theo thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại chị Tạ Thị Thảo A vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hằng trình bày: Bà Hằng là chị gái của A Nguyễn Văn H. Nay A H và chị A ly hôn, bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Bảo Quý, sinh ngày 14/01/2020. Bà không yêu cầu A H và chị A trả tiền công sức chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

1. Về quan hệ pháp luật trA chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án: Theo tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thì người có tên Nguyễn Văn H được chính phủ Nhật Bản cấp thẻ cư trú từ 11/10/2024 cho đến ngày 26/10/2027 có nhân thân phù hợp với nguyên đơn trong vụ án, do đó có cơ sở xác nhận đây là vụ án về trA chấp hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài nên TAND tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 470 BLTTDS năm 2015.

Về việc xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: Đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp: đúng quy định tại khoản 2, Điều 220 BLTTDS.

Về thủ tục tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Thực hiện đúng quy định tại Điều 208 BLTTDS 2015.

Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự: đúng quy định pháp luật.

Về thời hạn đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Đối với bị đơn: Bị đơn không thực hiện việc gửi lời khai về cho Tòa án, thực hiện không đúng theo quy định của BLTTDS 2015.

2. Về việc giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị Thảo A kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 26/6/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Một thời gian sau, A H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, do không chung sống gần nhau, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ngày càng thường xuyên. Mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tuy nhiên không có kết quả. Hiện nay vợ chồng không thường xuyên liên lạc, không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được do đó đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho A Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Tạ Thị Thảo A.

Về con chung: Căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án, A Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị Thảo A có 01 con chung là: cháu Nguyễn Bảo Quý, sinh ngày 14/01/2020, hiện tại con chung đang do chị gái ruột A H là Nguyễn Thị Hằng, có HKTT tại số nhà 06, ngõ 13, đường Nguyễn Viết Xuân, khối Tân Lâm, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, Nghệ An chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Chị Hằng không yêu cầu chi phí nuôi dưỡng cháu Quý từ lúc hai vợ chồng không chăm

sóc được cháu và đồng ý chăm sóc con chung thay cho A Nguyễn Bảo Quý trong thời gian A Quý đang làm việc tại nước ngoài.

Xét hoàn cảnh của các bên thấy rằng, hiện tại mặc dù chị Tạ Thị Thảo A đang sinh sống ở Việt Nam tuy nhiên chị A không có mặt tại địa phương, không khai báo tạm trú, tạm vắng, không có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con chung, còn A Nguyễn Văn H mặc dù ở nước ngoài, tuy nhiên có địa chỉ rõ ràng, có công việc ổn định, có khả năng chăm sóc cháu cháu Nguyễn Bảo Quý, nguyện vọng A H là được chăm sóc cháu và không yêu cầu chị Thảo A cấp dưỡng. Trường hợp tòa án giao con chung cho A Quý thì A Quý có nhờ chị ruột là chị Nguyễn Thị Hằng chăm sóc con chung trong thời gian A H ở nước ngoài và chị Hằng cũng đồng ý. Vậy nên Kiểm sát viên đề xuất giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Bảo Quý cho A Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bị đơn do nguyên đơn chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu nên miễn xét, cần tuyên quyền khởi kiện về quan hệ tài sản cho các đương sự

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quyền kháng cáo của các đương sự: được thực hiện theo quy định BLTTDS năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Do A Nguyễn Văn H trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại tỉnh Nghệ An và hiện nay đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu chị Tạ Thị Thảo A có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Tạ Thị Thảo A theo thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại chị Tạ Thị Thảo A vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Như vậy, đây được xem là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Vì vậy, căn cứ Điều 207; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: A Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Tạ Thị Thảo A. Xét thấy, A Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị Thảo A kết

hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 26/6/2019. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, giải quyết cho A Nguyễn Văn H được ly hôn chị Tạ Thị Thảo A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo Quý, sinh ngày 14/01/2020. Ly hôn A H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Sau khi hoàn tất thủ tục ly hôn A H phải tiếp tục quay lại Nhật Bản để làm việc, vì vậy A có nguyện vọng gửi con chung cho chị gái ruột là Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà 06, ngõ 13, đường Nguyễn Viết Xuân, khối Tân Lâm, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An chăm sóc và nuôi dưỡng cháu trong thời gian A H đi làm ăn xa nhà. A H không yêu cầu chị Tạ Thị Thảo A cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Hằng không yêu cầu A H và chị A trả tiền công sức chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay, chị Thảo A không rõ địa chỉ cụ thể và chưa có ý kiến về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. A H đang ở nước ngoài nhưng có địa chỉ cụ thể và có nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, giao con chung tên là Nguyễn Bảo Quý, sinh ngày 14/01/2020 cho A H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay A H đi làm ăn xa nên bà Nguyễn Thị Hằng chăm sóc các cháu cho đến khi A về nước là phù hợp với điều kiện thực tế về việc nuôi con, phù hợp nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Dành quyền khởi kiện đòi lại quyền nuôi con sau khi ly hôn cho chị Thảo A.

[4] Về cấp dưỡng: A H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Tài sản chung và nợ chung: A Nguyễn Văn H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: A Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A Nguyễn Văn H.

1. Về hôn nhân: Cho A Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Tạ Thị Thảo A.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên là Nguyễn Bảo Quý, sinh ngày 14/01/2020 cho A H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay A H đi làm ăn xa nên bà Nguyễn Thị Hằng chăm sóc các cháu cho đến khi A về nước. Dành quyền khởi kiện đòi lại quyền nuôi con sau khi ly hôn cho chị Thảo A. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

A Nguyễn Văn H không yêu cầu chị Tạ thị Thảo A cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: A Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013428 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về quyền kháng cáo: A Nguyễn Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Chị Tạ Thị Thảo A và bà Nguyễn Thị Hằng vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Trường Thi;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Đức A

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**
PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hoa

Nguyễn Thị Quế A

Nguyễn Đức A